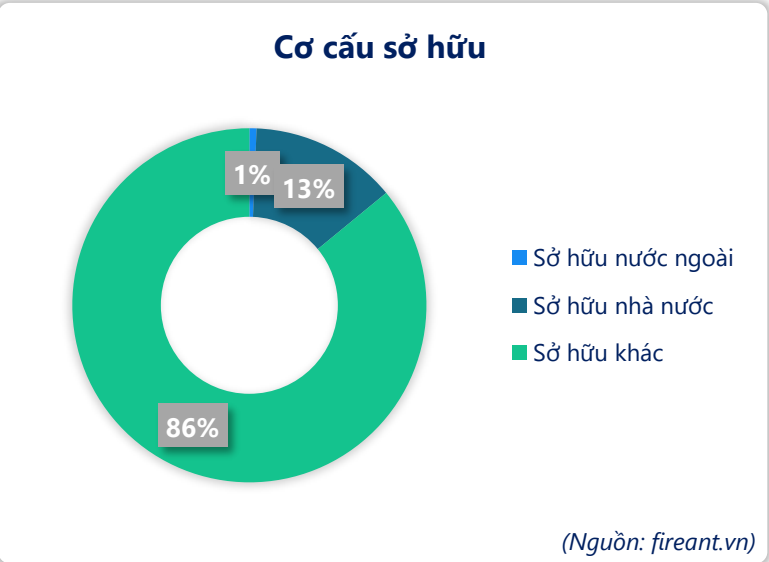
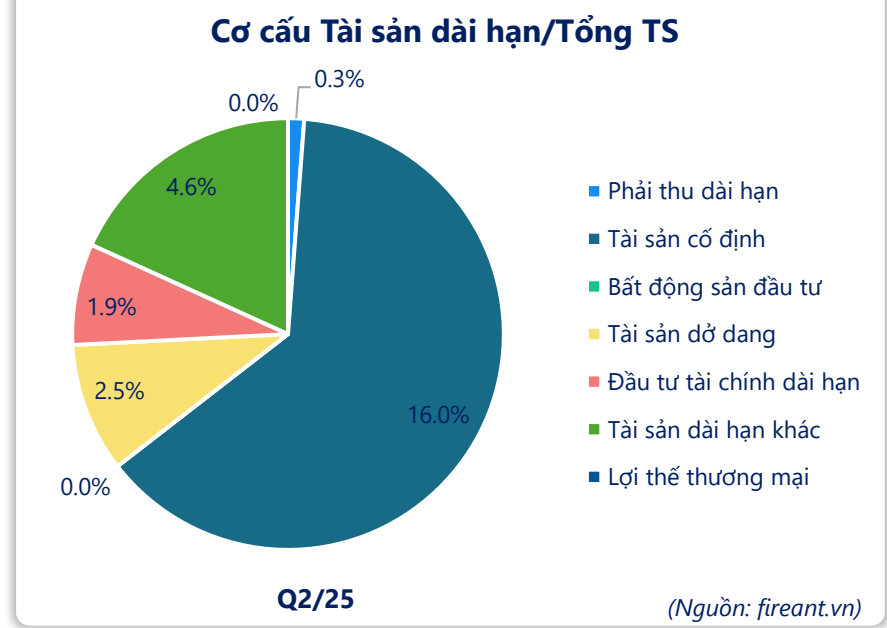
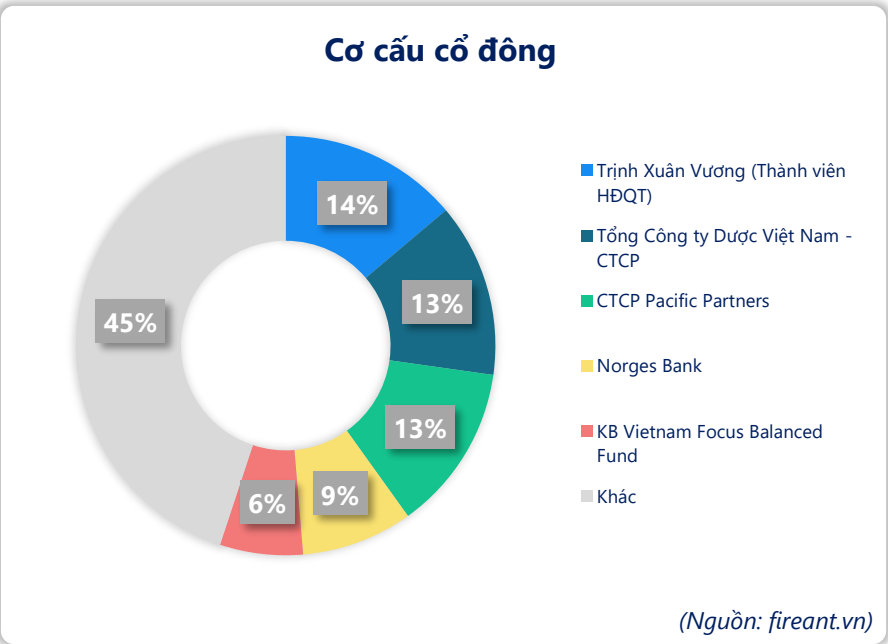
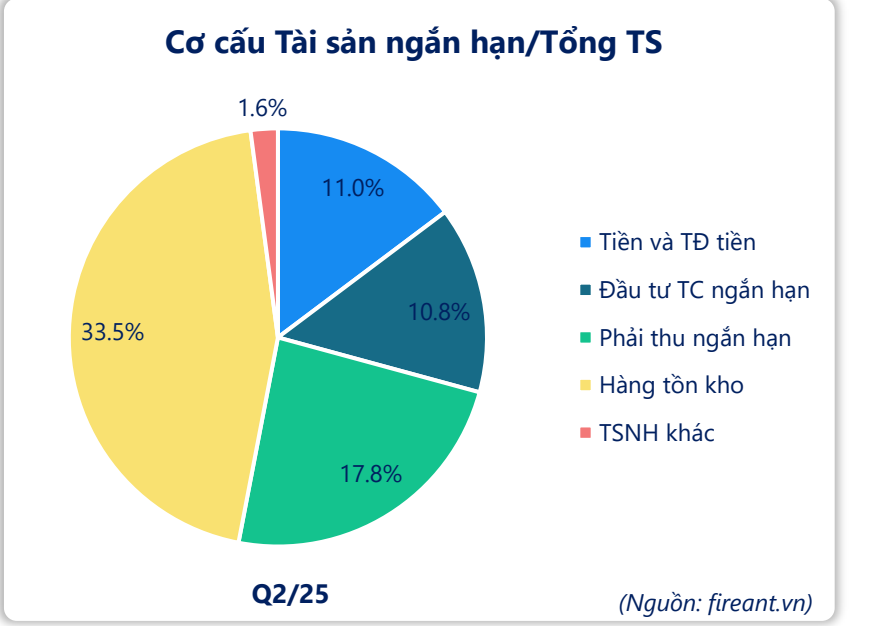
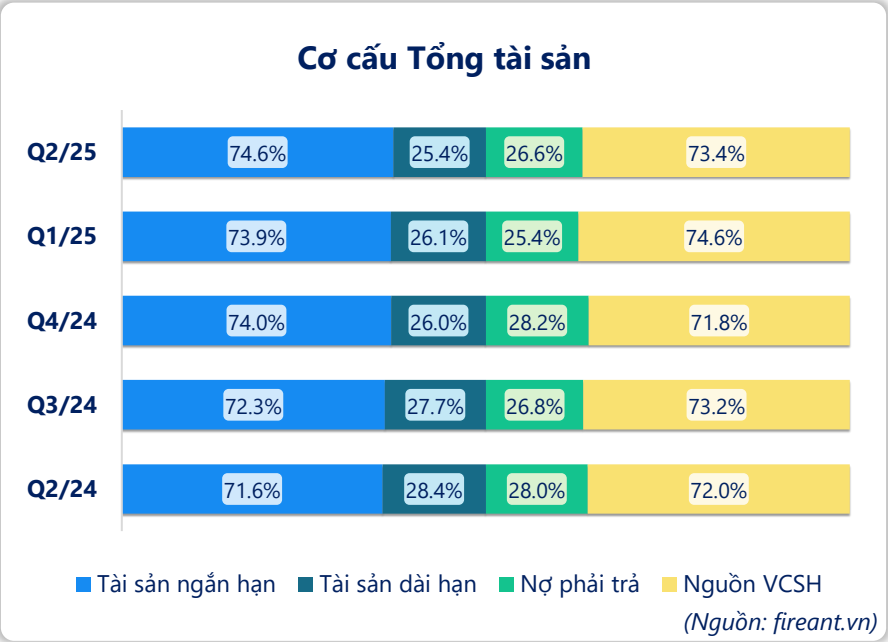


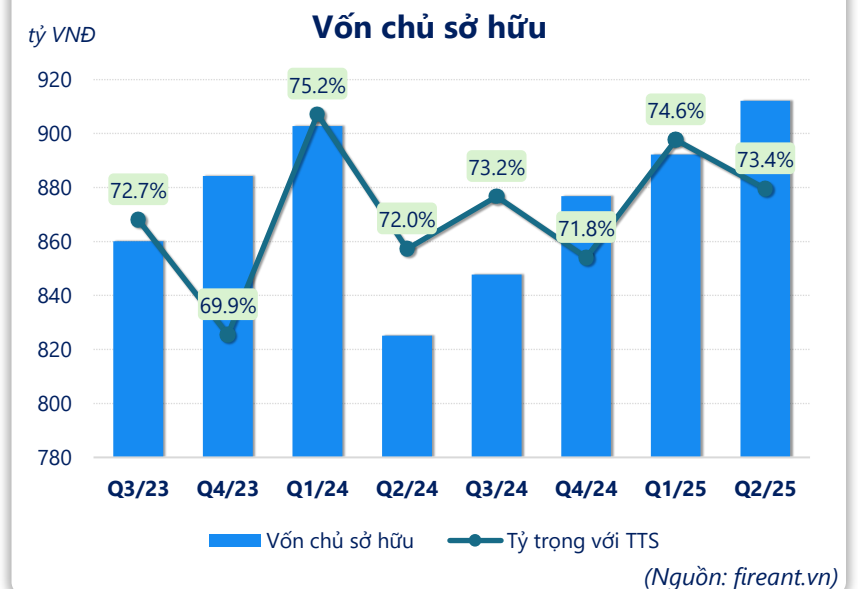
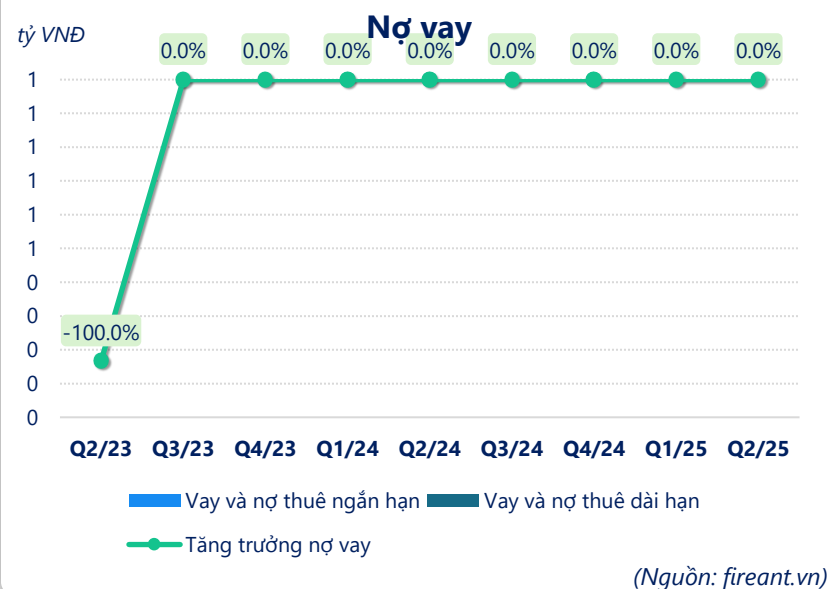
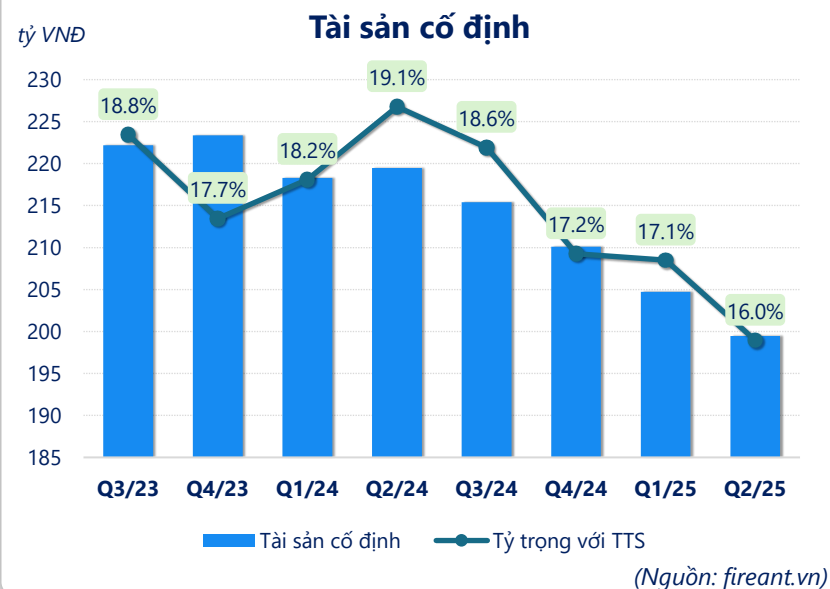
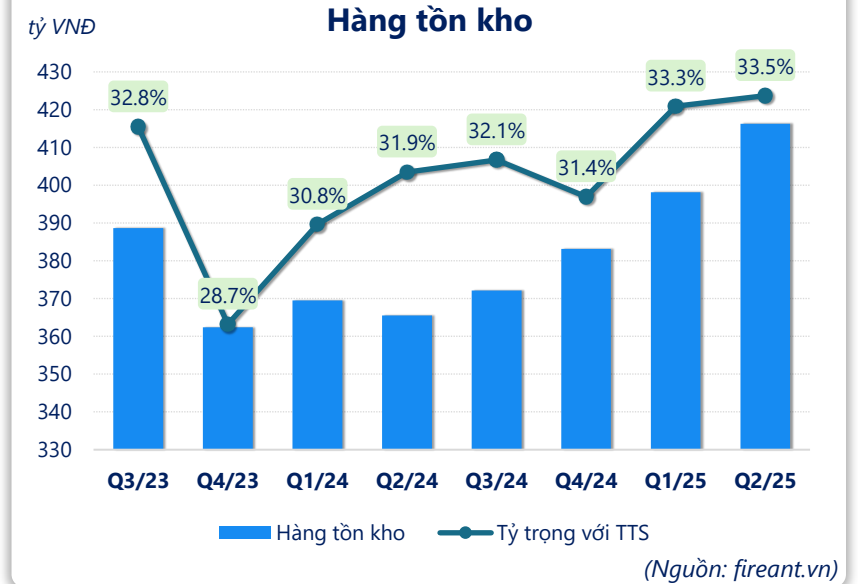
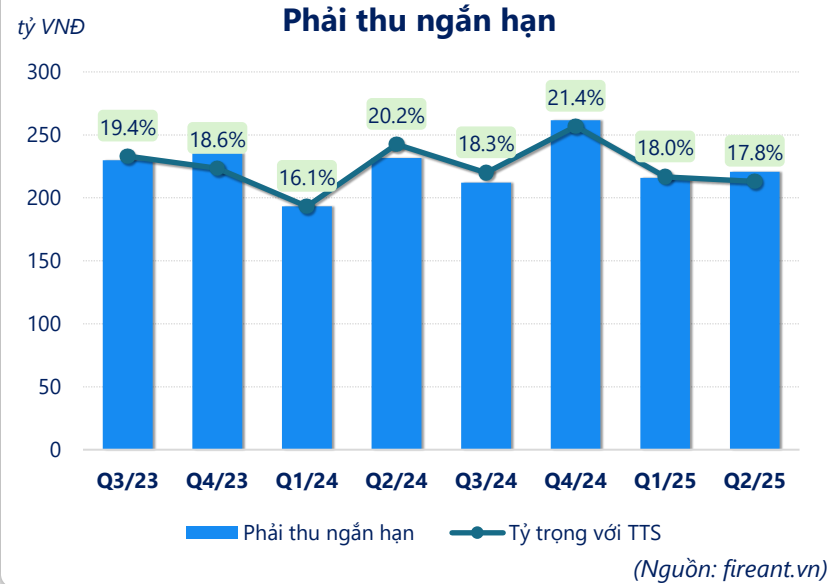
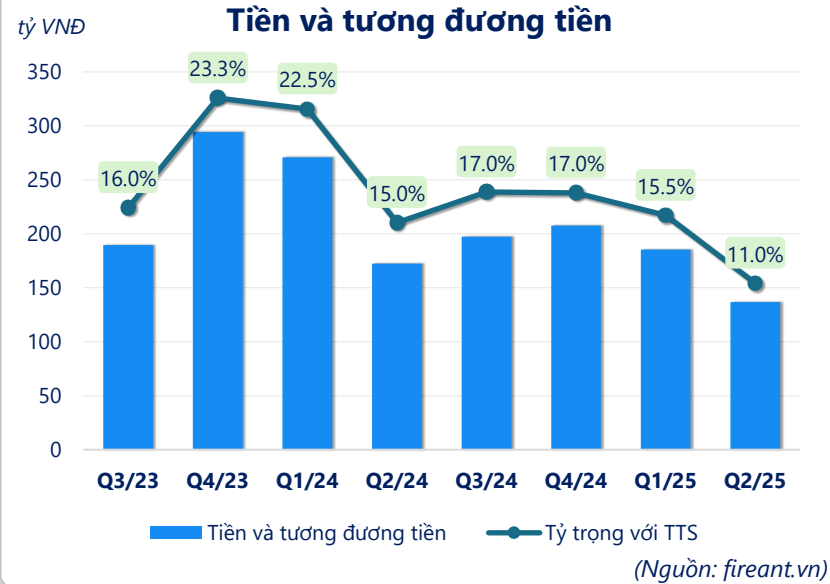
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,800
SL cổ phiếu LH		64,050,892
KLGD BQ 20 phiên (CP)		139,590
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,524
P/E		15.4
EPS		1,545

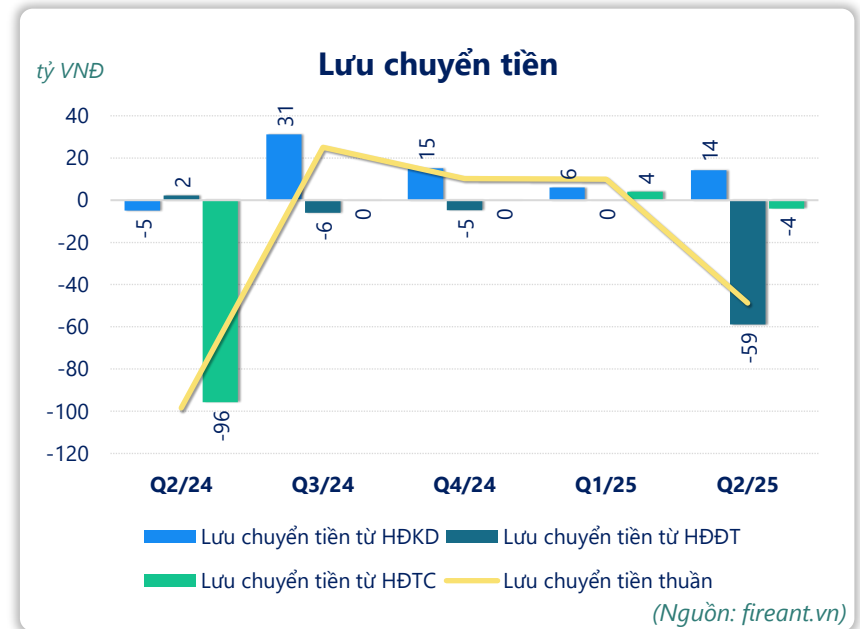
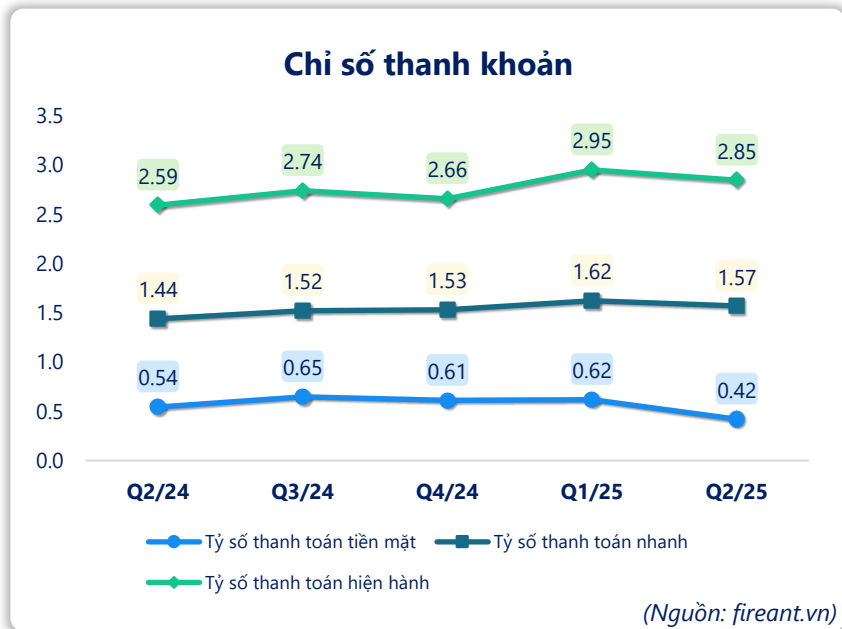
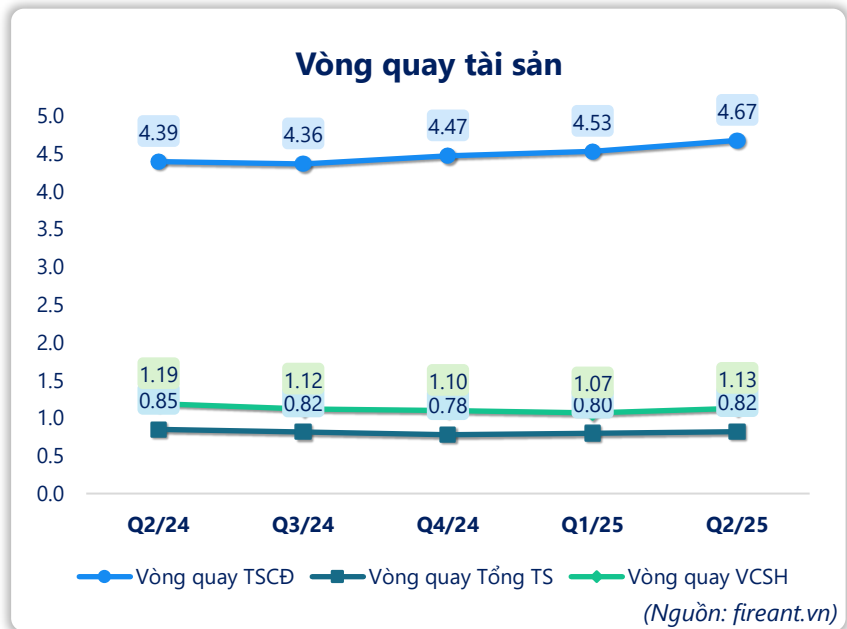
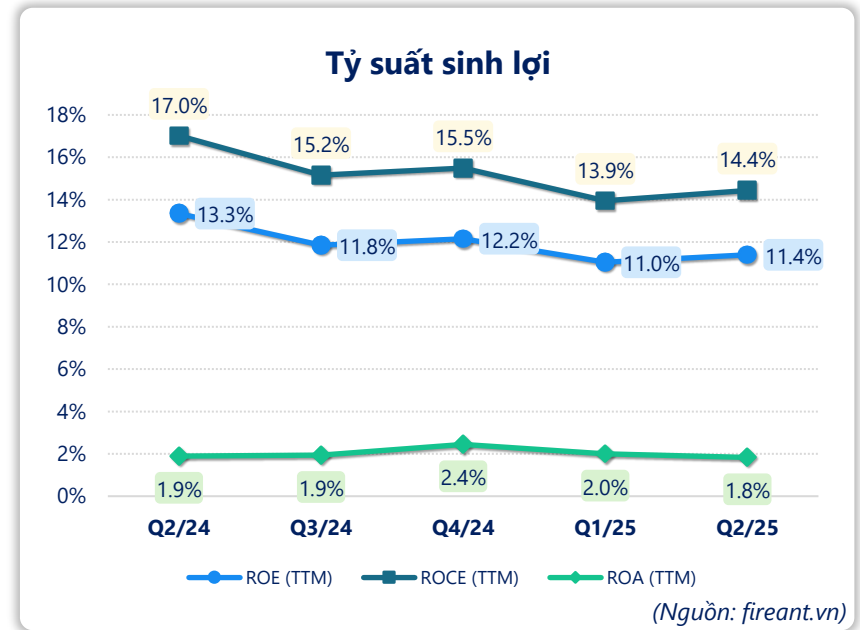
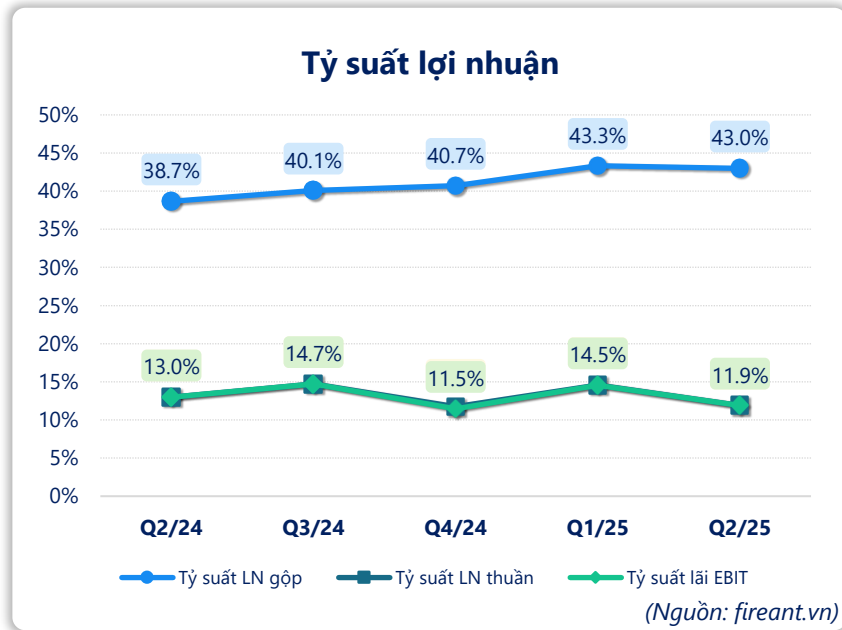
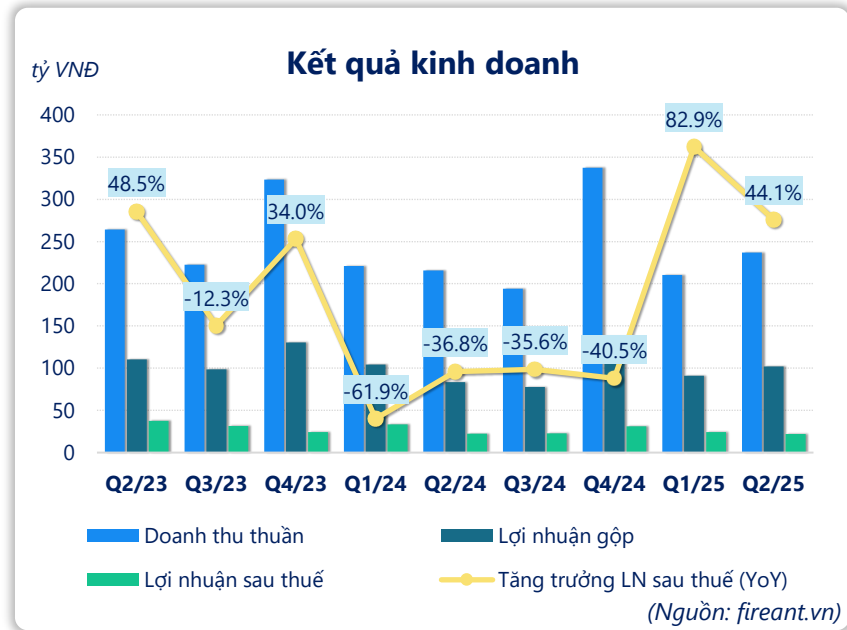
	YTD	1T	3T	6T
OPC	-4.8%	0.4%	0.6%	0.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP Dược phẩm OPC (HSX: OPC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,243	1,222	1.7%
Tài sản ngắn hạn	928	904	2.6%
Tiền và tương đương tiền	137	176	-22.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134	71.1	88.9%
Phải thu ngắn hạn	221	261	-15.5%
Hàng tồn kho	416	383	8.7%
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	12.9	51.7%
Tài sản dài hạn	315	318	-0.8%
Phải thu dài hạn	3.80	3.79	0.3%
Tài sản cố định	199	210	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.5	24.3	25.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.9	25.0	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	57.4	54.6	5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	331	345	-4.1%
Nợ ngắn hạn	326	340	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.2	64.0	-32.5%
Nợ dài hạn	4.57	4.78	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	912	877	4.0%
Vốn chủ sở hữu	912	877	4.0%
Vốn điều lệ	641	641	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	216	194	338	210	237
Giá vốn hàng bán	132	116	200	119	135
Lợi nhuận gộp	83.5	77.8	137	91.2	102
Doanh thu HĐTC	2.25	1.34	2.97	2.36	4.83
Chi phí TC	0.80	1.01	1.76	1.48	1.31
Chi phí lãi vay	-0.08	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.45	0.29	0.49	0.45	0.07
Chi phí bán hàng	37.9	31.8	73.6	37.4	51.1
Chi phí QLDN	19.5	18.1	25.9	24.4	26.2
LN thuần từ HĐKD	28.0	28.6	39.6	30.7	28.2
Lợi nhuận khác	0.08	-0.01	-0.93	-0.11	0.04
LN trước thuế	28.1	28.5	38.7	30.6	28.2
Lợi nhuận sau thuế	22.4	22.6	31.1	24.1	21.9
LNST của CĐ cty mẹ	22.0	22.7	30.4	24.0	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.89	31.2	15.1	5.97	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.15	-5.97	-4.83	-0.06	-58.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-95.7	-0.17	-0.04	4.00	-4.00
Tiền đầu kỳ	271	172	197	176	186
Lưu chuyển tiền thuần	-98.4	25.1	10.2	9.91	-48.7
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	-0.02	0.03	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	172	197	208	186	137

(Nguồn: fireant.vn)